| ***Câu 1*** | Câu nào dưới đây là đặc trưng của Regression testing?   1. Regression testing chỉ chạy một lần duy nhất. 2. Regression testing được sử dụng sau khi các bản sửa lỗi được thực hiện. 3. Regression testing thường được tự động hoá. 4. Regression tests không cần phải bảo trì. |
| --- | --- |
| ***A)*** | ii, iv. |
| ***B)*** | ii, iii. |
| ***C)*** | i, iii, iv. |
| ***D)*** | iii. |
| ***Câu 2*** | Lợi ích chính của việc kiểm thử sớm từ pha thiết kế trong vòng đời phần mềm là? |
| ***A)*** | Nó rẻ hơn so với kiểm thử trong pha kiểm thử |
| ***B)*** | Nó giúp ngăn ngừa các lỗi được đưa vào code |
| ***C)*** | Thiết kế kiểm thử sớm hiệu quả hơn so với thiết kế kiểm thử muộn |
| ***D)*** | Giúp tiết kiệm thời gian của pha kiểm thử khi kiểm thử viên có việc bận |
| ***Câu 3*** | Nhiệm vụ quan trọng nhất của lập kế hoạch kiểm thử là gì ? |
| ***A)*** | Lên kế hoạch các nhiệm vụ kiểm thử, phân tích và thiết kế kiểm thử |
| ***B)*** | Khởi tạo các hành động khắc phục lỗi |
| ***C)*** | Theo dõi tiến độ và phạm vi kiểm tra |
| ***D)*** | Đo và phân tích kết quả |
| ***Câu 4*** | Kiểm thử Beta là gì? |
| ***A)*** | Kiểm thử được thực thi bởi khách hàng tại nơi của nhà phát triển. |
| ***B)*** | Kiểm thử được thực thi bởi khách hàng tại nơi của họ. |
| ***C)*** | Kiểm thử được thực thi bởi nhà phát triển sản phẩm tại nơi của khách hàng. |
| ***D)*** | Kiểm thử được thực thi bởi nhà phát triển sản phẩm tại nơi của họ. |
| ***Câu 5*** | Kiểm thử chức năng được thực thi ở đâu ? |
| ***A)*** | Chỉ thực hiện ở mức độ System testing và Acceptance testing |
| ***B)*** | Tại tất cả các mức độ test |
| ***C)*** | Tại tất cả các mức độ test trên Integration testing |
| ***D)*** | Chỉ thực hiện ở mức độ Acceptance testing |
| ***Câu 6*** | Ai sẽ thường là người thực thi việc gỡ lỗi (debugging)? |
| ***A)*** | Developers |
| ***B)*** | Analysts |
| ***C)*** | Testers |
| ***D)*** | Incident Managers |
| ***Câu 7*** | Công đoạn nào của quy trình kiểm thử để xác định điều kiện dừng kiểm thử? |
| ***A)*** | Công đoạn lập kế hoạch kiểm thử (Test planning) |
| ***B)*** | Công đoạn đánh giá điều kiện dừng và báo cáo (Evaluating exit criteria and reporting) |
| ***C)*** | Công đoạn đóng kiểm thử (Test closure) |
| ***D)*** | Công đoạn kiểm soát kiểm thử (Test control) |
| ***Câu 8*** | Mục đích của việc xác định điều kiện dừng là gì? |
| ***A)*** | Để định nghĩa khi nào một mức độ kiểm thử được hoàn thành |
| ***B)*** | Để quyết định khi nào một kiểm thử được hoàn thành |
| ***C)*** | Để xác định khi nào một hệ thống phần mềm nên “nghỉ hưu” |
| ***D)*** | Để xác định khi nào một kiểm thử là thành công |
| ***Câu 9*** | Điều gì là quan trọng nhất trong việc lựa chọn phương pháp tiếp cận kiểm thử? |
| ***A)*** | Tính khả dụng của công cụ để hỗ trợ cho kỹ thuật trên |
| ***B)*** | Ngân sách được cho phép để huấn luyện về kỹ thuật trên |
| ***C)*** | Kỹ năng và kinh nghiệm có sẵn về kỹ thuật kiểm thử đó |
| ***D)*** | Sự mong đợi của đội kiểm thử để học kỹ thuật mới |
| ***Câu 10*** | Câu nào không phải là nguyên tắc kiểm thử? |
| ***A)*** | Kiểm thử sớm |
| ***B)*** | Gom nhóm lỗi |
| ***C)*** | Nghịch lý thuốc trừ sâu |
| ***D)*** | Kiểm thử đầy đủ |
| ***Câu 11*** | Mục đích của điều kiện dừng là: |
| ***A)*** | Xác định khi nào dừng kiểm thử |
| ***B)*** | Kết thúc kiểm thử |
| ***C)*** | Khi một bộ kiểm thử đã đạt được một điều kiện cụ thể cho trước |
| ***D)*** | Tất cả các ý trên |
| ***Câu 12*** | \_\_\_\_\_\_\_ được thực hiện bởi khách hàng tại nơi của nhà phát triển. |
| ***A)*** | Kiểm thử đơn vị |
| ***B)*** | Kiểm thử hồi quy |
| ***C)*** | Kiểm thử Alpha |
| ***D)*** | Kiểm thử tích hợp |
| ***Câu 13*** | Hoạt động kiểm thử được tiến hành để tìm lỗi khi có sự tương tác giữa các thành phần phần mềm là: |
| ***A)*** | Kiểm thử hệ thống |
| ***B)*** | Kiểm thử tích hợp |
| ***C)*** | Kiểm thử đơn vị |
| ***D)*** | Kiểm thử thành phần |
| ***Câu 14*** | Đâu là kiểm thử phi chức năng ? |
| ***A)*** | Kiểm thử hiệu năng |
| ***B)*** | Kiểm thử đơn vị |
| ***C)*** | Kiểm thử hồi quy |
| ***D)*** | Kiểm thử giao diện |
| ***Câu 15*** | Vai trò của kỹ sư phần mềm trong việc lựa chọn công cụ kiểm thử là: |
| ***A)*** | Để xác định, đánh giá, xếp hạng các công cụ và đề xuất công cụ sử dụng |
| ***B)*** | Để xác định loại công cụ cần thiết, sau đó tìm nó và mua nó |
| ***C)*** | Để bắt đầu tìm kiếm công cụ và đưa ra một trường hợp để quản lý |
| ***D)*** | Để xác định và chọn mua các công cụ |
| ***Câu 16*** | Đâu không phải là mục tiêu của kiểm thử ? |
| ***A)*** | Tìm các lỗi |
| ***B)*** | Đạt được sự tự tin về mức độ chất lượng sản phẩm và cung cấp thông tin |
| ***C)*** | Ngăn chặn lỗi |
| ***D)*** | Gỡ lỗi (debugging defects) |
| ***Câu 17*** | Nội dung nào sau đây không phải là một phần của pha Triển khai và thực thi kiểm thử ? |
| ***A)*** | Tạo test suites từ các test case |
| ***B)*** | Thực thi các test case thủ công hoặc sử dụng các công cụ kiểm thử |
| ***C)*** | So sánh với kết quả thực tế |
| ***D)*** | Thiết kế kiểm thử |
| ***Câu 18*** | Kiểm tra liên kết (Link) cũng được gọi là : |
| ***A)*** | Kiểm thử tích hợp thành phần |
| ***B)*** | Kiểm thử hệ thống thành phần |
| ***C)*** | Kiểm thử hệ thống thành phần phụ |
| ***D)*** | Kiểm thử bảo trì |
| ***Câu 19*** | Thiết kế các thiết lập môi trường kiểm thử và xác định bất kỳ về yêu cầu cơ sở hạ tầng và công cụ là một phần của giai đoạn: |
| ***A)*** | Test Implementation and execution |
| ***B)*** | Test Analysis and Design |
| ***C)*** | Evaluating the Exit Criteria and reporting |
| ***D)*** | Test Closure Activities |
| ***Câu 20*** | Một kiểu kiểm thử chức năng, tìm kiếm các vấn đề liên quan đến việc phát hiện các mối đe dọa, ví dụ như vi rút độc hại xâm nhập từ bên ngoài : |
| ***A)*** | Kiểm thử bảo mật |
| ***B)*** | Kiểm thử khôi phục |
| ***C)*** | Kiểm thử hiệu năng |
| ***D)*** | Kiểm thử chức năng |
| ***Câu 21*** | Kiểm thử vét cạn (exhaustive testing) là? |
| ***A)*** | Không thực tế nhưng có thể |
| ***B)*** | Có thể thực thi |
| ***C)*** | Không thực tế và không thể |
| ***D)*** | Luôn luôn có thể |
| ***Câu 22*** | Phần lớn các lỗi hệ thống xảy ra trong giai đoạn \_\_\_\_\_\_\_\_\_ |
| ***A)*** | lấy Yêu cầu |
| ***B)*** | Phân tích và thiết kế |
| ***C)*** | Phát triển |
| ***D)*** | Kiểm thử |
| ***Câu 23*** | Khi nào dừng kiểm thử ? |
| ***A)*** | Khi thời gian dự kiến dành cho kiểm thử hết |
| ***B)*** | Dừng lại nếu 75% số lỗi xác định trước được phát hiện |
| ***C)*** | Dừng lại khi tất cả các test case thực thi với một vài lỗi được phát hiện |
| ***D)*** | Không cái nào ở trên |
| ***Câu 24*** | Kiểm thử tích hợp nên được thực hiện sau: |
| ***A)*** | Kiểm thử tích hợp |
| ***B)*** | Kiểm thử hệ thống |
| ***C)*** | Kiểm thử đơn vị |
| ***D)*** | Kiểm thử tích hợp thành phần |
| ***Câu 25*** | Thứ tự thông thường của các hoạt động kiểm thử phần mềm được tổ chức như thế nào ? |
| ***A)*** | Unit, Integration, System, Validation |
| ***B)*** | System, Integration, Unit, Validation |
| ***C)*** | Unit, Integration, Validation, System |
| ***D)*** | Validation, Unit, Integration, System |